

Bản án số: 356/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phích
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải
Ông Phạm Mạnh H1

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 302/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 389/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1974 tại Hải Phòng; CCCD số: 031174005319; nơi ĐKKHKT: Số 226 BS, phường HB, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 201 chung cư H, phường T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công an; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng B (đã chết) và bà Trần Thị T; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 03 tháng 7 năm 2025. Có mặt.

- Bị hại: Ông Bùi Văn H1, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn L 1, xã VK, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Vũ Văn Q; vắng mặt
- Bà Bùi Thị Y; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/10/2020, Bùi Ngọc H bị Công an quận D khởi tố, tạm giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 2 Điều 255 BLHS. Do có quan hệ quen biết với Nguyễn Thị B, biết B đang là Công an công tác tại Công an thành phố Hải Phòng nên ông Bùi Văn H1- sinh năm 1963, nơi cư trú: thôn L1, xã VK, thành phố Hải Phòng (là bố đẻ của H) đã liên hệ gặp mặt để nhờ B “chạy án” cho H. B thông báo cho ông H1 chi phí để “chạy án” cho H xuống khoản 1 Điều 255 (mức án từ 18 đến 24 tháng tù) là 500.000.000 đồng, ông H1 đồng ý. Ngày 28/11/2020, tại quán cà phê ở khu đô thị Tân Quang Minh, phường T, thành phố Hải Phòng, ông H1 cùng các con Bùi Thị Y (con gái), Vũ Văn Q (con rể - chồng Y), Nguyễn Thị H (con dâu - vợ H) đến gặp B. Tại đây B thống nhất ông H1 đưa trước 350.000.000 đồng, khi hồ sơ sang Viện kiểm sát thì đưa nốt 150.000.000 đồng để B lo việc “chạy án” cho H. Ông H1 đã đưa cho B tại quán tiền mặt là 300.000.000 đồng. Khi đưa tiền ông H1 có đề nghị viết giấy biên nhận nhưng B nói do “nhạy cảm” nên viết thành giấy vay nợ với Vũ Văn Q, ghi tổng số tiền vay là 350.000.000 đồng. Nội dung cuộc gặp ngày 28/11/2020 trên đã được chị Y dùng điện thoại ghi âm lại. Đến ngày 29/11/2020 ông H1 đã bảo anh Q chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của B.

Đến tháng 7/2021, Bùi Ngọc H bị Tòa án nhân dân quận D tuyên phạt 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự theo Bản án số 12/2021/HS-ST ngày 22/06/2021. Thấy B không thực hiện được theo thỏa thuận với mình, ông H1 nhiều lần đòi lại số tiền đã đưa nhưng B né tránh, không trả nên ông H1 đã viết đơn trình báo Cơ quan Công an.

Tại bản Kết luận giám định số 9033/KL-KTHS ngày 17/04/2023 của Viện Khoa học Hình sự - Bộ Công an kết luận: Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tệp tin âm thanh cần giám định. Tiếng nói trong mẫu cần giám định (ký hiệu “B” trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định) và tiếng nói của Nguyễn Thị B trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tại Cơ quan điều tra, ông Bùi Văn H1 và những người liên quan (anh Vũ Văn Q, chị Bùi Thị Y) đều khai phù hợp nội dung nêu trên. Ngoài ra ông H1 và anh Q, chị Y khai đã đưa đủ cho B số tiền 500.000.000 đồng như thỏa thuận, trong đó: tại cuộc gặp ngày 28/11/2020 ở quán cafe đưa tiền mặt 350.000.000 đồng; ngày 29/11/2020 anh Q chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho B số tiền 50.000.000 đồng; cùng ngày anh Q và chị Y đưa trực tiếp tiền mặt 100.000.000 đồng cho B tại ngã ba P, xã VK, Hải Phòng. Đến nay B mới hoàn trả lại cho ông H1 số tiền 252.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo B không thừa nhận việc dùng thủ đoạn gian dối đưa ra thông tin không có thật về việc có thể lo chạy án cho con trai ông H1 để ông H1 tin tưởng chuyển tiền. Bị cáo khai số tiền 350.000.000 đồng là tiền bị cáo vay anh Vũ Văn Q, không có việc nhận tiền để chạy án cho Bùi Ngọc H. Đến ngày 26/12/2022, B đã trả hết tiền cho anh Q, hai bên không còn nợ nần gì. Tại giai đoạn truy tố, bị cáo B thay đổi lời khai, thừa nhận hành vi nhận số tiền 350.000.000 đồng từ gia đình ông H1 để lo việc “chạy án” cho Bùi Ngọc H. Thực tế bản thân B không có thẩm quyền giải quyết, cũng không quen biết với người có thẩm quyền giải quyết vụ án trên, sau khi nhận tiền B không gặp ai để lo giảm án cho H. Ngoài ra B khẳng định chỉ nhận từ gia đình ông H1 số tiền 350.000.000 đồng chia làm 2 lần: lần 1 tại quán café ngày 28/11/2020, ông H1 đưa tiền mặt 300.000.000 đồng, lần 2 ngày 29/11/2020, B nhận số tiền 50.000.000 đồng do anh Q chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của B. Số tiền trên B đã chi tiêu cá nhân hết. Hiện tại B đã khắc phục, trả hết số tiền trên cho ông H1.

Tiến hành cho ông Bùi Văn H1, anh Vũ Văn Q đối chất với bị cáo B, kết quả: hai bên giữ nguyên lời khai. Căn cứ vào Kết luận giám định nội dung bản ghi âm, kết quả sao kê ngân hàng hiện làm rõ được B đã nhận số tiền 350.000.000 đồng từ gia đình ông H1, trong đó nhận 300 triệu tiền mặt và 50 triệu tiền chuyển khoản ngân hàng.

Về dân sự: ông Bùi Văn H1 đã nhận lại đủ số tiền đã đưa cho bị cáo B, không có yêu cầu gì và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 52/CT-VKSHP-P3 ngày 21/11/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- *Tại phiên toà,*

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo đã nhận của gia đình bị hại (ông Bùi Văn H1) tổng số tiền là 350 triệu đồng với mục đích giảm án cho anh Bùi Ngọc H; lần thứ nhất là 300 triệu đồng tiền mặt tại quán cafe ở khu đô thị Tân Quang Minh, phường TN và 50 triệu đồng do anh Vũ Văn Q chuyển khoản cho bị cáo. Bị cáo và anh Vũ Văn Q có lập giấy vay nợ với số tiền 350 triệu đồng mà bị cáo đã nhận của gia đình bị hại. Bị cáo không có thẩm quyền giải quyết vụ việc của Bùi Ngọc H và cũng không có liên lạc với ai để nhờ giải quyết việc của Hải như đã hứa với gia đình bị hại. Sau khi nhận tiền của bị hại, bị cáo đã chi tiêu hết cho cá nhân. Đến nay, bị cáo đã trả lại đầy đủ số tiền đã nhận của gia đình bị hại. Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo rất ăn năn, hối cải và mong HĐXX xem xét cho bị cáo được

hưởng lượng khoan hồng của pháp luật để được mức án thấp nhất, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo từ 03 đến 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Mặt khác, hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của bị hại, người làm chứng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy sự vắng mặt của bị hại và người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật (Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự).

[3]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo*: Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với nội dung kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do có mối quan hệ quen biết với bị cáo B và biết bị cáo đang công tác tại Công an thành phố Hải Phòng nên bị hại là ông Bùi Văn H1 đã liên hệ với bị cáo để nhờ bị cáo giúp giảm án cho anh Bùi Ngọc H (con của bị hại) đang bị Công an quận D khởi tố, tạm giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Mặc dù bị cáo B không có thẩm quyền giải quyết, cũng không quen biết với người có thẩm quyền giải quyết vụ án trên nhưng bị cáo vẫn đồng ý với đề nghị của ông H1 và hứa sẽ lo cho H1 xuống khoản 1 Điều 255 Bộ luật hình sự (mức án từ 18 đến 24 tháng tù) chi phí là 500.000.000đ. Ngày 28/11/2020, tại quán cà phê ở khu đô thị Tân Quang Minh, phường TN, thành phố Hải Phòng, ông H1 cùng các con Bùi Thị Y (con gái), Vũ Văn Q (con rể - chồng Y), Nguyễn Thị H (con dâu - vợ H1) gặp B.

Tại đây ông H1 đã đưa cho bị cáo B tiền mặt là 300.000.000 đồng. Khi đưa tiền ông H1 có đề nghị viết giấy biên nhận nhưng B nói do “nhảy cảm” nên viết thành giấy vay nợ với Vũ Văn Q, ghi tổng số tiền vay là 350.000.000 đồng. Nội dung cuộc gặp ngày 28/11/2020 trên đã được chị Y dùng điện thoại ghi âm lại. Đến ngày 29/11/2020, ông H1 đã bảo anh Q chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của B. Sau khi nhận tiền, bị cáo đã không gặp ai để lo giảm án cho H mà đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân quận D xét xử vụ án và tuyên phạt Bùi Ngọc H 08 năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Như vậy, bị cáo có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 350.000.000đ của bị hại nên Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội trong một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. *Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

[5.1]. Tình tiết tăng nặng: Không

[5.2]. Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; sau khi phạm tội bị cáo đã trả lại số tiền chiếm đoạt của bị hại nên được áp dụng tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; trong thời gian làm việc, công tác tại ngành Công an bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, nhiều năm đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Huy chương chiến sỹ vẻ vang, được Bộ Công an và Công an thành phố tặng nhiều Bằng khen, Giấy khen nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; người thân của bị cáo có công với cách mạng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] *Về hình phạt:* Căn cứ tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo đang phải điều trị nhiều loại bệnh, đã từng là Đảng viên và có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể quyết định cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và cũng thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[7]. *Về trách nhiệm dân sự*: Đến nay, bị cáo đã hoàn trả toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị B 04 (bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 03/7/2025.

2. Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị B phải nộp số tiền 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải

Phạm Mạnh Hùng

Phạm Văn Phích